

TÌNH HÌNH CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH TẠI VIỆT NAM

BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ, THƯƠNG MẠI CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI

Theo lý luận về tư pháp quốc tế thì bản án, quyết định dân sự của tòa án một nước, về nguyên tắc, chỉ có hiệu lực và được thi hành trên lãnh thổ của nước có Tòa án đã tuyên bản án, quyết định đó. Để bản án, quyết định đó được thi hành ở nước ngoài thì các quốc gia liên quan phải ký kết công nhận và cho thi hành tại một nước bản án, quyết định dân sự, thương mại của tòa án nước ngoài phải được quy định trong pháp luật của nước đó trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.

Xuất phát từ quan tâm trên đây, việc công nhận, thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, được thực hiện trên cơ sở các cam kết đã được đưa ra trong các hiệp định tương trợ tư pháp đã ký kết và các quy định của pháp luật trong nước, như: Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011, Luật thi hành bản án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Việc công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự, thương mại của tòa án nước ngoài còn nhằm thực hiện một số mục tiêu sau:

Thứ nhất, nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích của công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam trên lãnh thổ các nước đã ký kết hiệp định, đồng thời bảo vệ quyền lợi của công dân, cơ quan tổ chức các nước ký kết hiệp định trên lãnh thổ Việt Nam. Ngày nay, cùng với xu hướng hội nhập quốc tế, các mối quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại, lao động trong đời sống xã hội không chỉ phát sinh trong phạm vi một quốc gia mà còn mở rộng phạm vi nhiều quốc gia. Do đó, trong việc giải quyết các tranh chấp kinh tế, thương mại, các vụ việc dân sự, lao động có yếu tố nước ngoài, các tòa án Việt Nam không chỉ đặt mục tiêu vào việc bảo vệ quyền lợi của công dân, cơ quan, tổ chức vào Việt Nam, mà còn phải đảm bảo quyền lợi của bên đương sự là công dân hay cơ quan, tổ chức của người nước ngoài trên cơ sở các hiệp định tương trợ tư pháp.

Thứ hai, việc tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự, thương mại của tòa án nước ngoài cũng phản ánh sự tôn trọng và khẳng định hiệu lực pháp luật của các bản án, quyết định đó trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Đây cũng có thể coi là tiền đề, luật điều kiện để Tòa án nước

ngoài công nhận thi hành trên lãnh thổ nước đó, bản án, quyết định dân sự, thương mại của Tòa án Việt Nam và nước ngoài không có hiệu lực quốc tế. Công nhận và thi hành, bản án, quyết định dân sự, thương mại của tòa án nước ngoài theo nguyên tắc có đi có lại là một thực tế được nhiều nước áp dụng, nhằm thực hiện sự nhượng bộ, tôn trọng lẫn nhau giữa các quốc gia trong trường hợp không có điều ước quốc tế liên quan. Nếu một quốc gia nào đó căn cứ vào nguyên tắc chủ quyền một cách cứng nhắc, từ chối việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự thương mại của Tòa án nước ngoài, thì vô hình chung quốc gia đó không những đã từ chối việc bảo vệ lợi ích của cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài mà còn từ chối việc bảo vệ lợi ích cá nhân, cơ quan tổ chức nước mình. Trong đời sống dân sự quốc tế, có nhiều trường hợp chủ thể của các vụ việc, tranh chấp dân sự, thương mại có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam thường có cả cá nhân, cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước tham gia, Ví dụ: các tranh chấp về mua bán tài sản, các tranh chấp về lao động hay thương mại, đầu tư quốc tế... Trong trường hợp tòa án Việt Nam từ chối công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự, thương mại của tòa án nước ngoài, thì điều đó sẽ gây ra không ít khó khăn, bất lợi cho chính nhà nước Việt Nam, bởi lẽ trong những trường hợp tương tự, tòa án nước ngoài (áp dụng nguyên tắc báo phục quốc – trả đũa) sẽ từ chối công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự, thương mại của tòa án Việt Nam. Hậu quả kéo theo, lợi ích của công dân, cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam không được bảo vệ; tình huống xấu nhất là có thể dẫn đến việc đóng cửa các giao lưu dân sự, kinh tế, thương mại và hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và các nước hữu quan

Như vậy, việc các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam không công nhận và cho thi hành các bản án dân sự, thương mại của Tòa án nước ngoài, nhất là các nước đã ký kết điều ước quốc tế với Việt Nam là điều hoàn toàn bất lợi đối với Việt Nam trong hoàn cảnh đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Thứ ba, để nhận thức thêm ý nghĩa và vai trò quan trọng của việc công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự thương mại của Tòa án nước ngoài đối với quá trình tổ tụng dân sự quốc tế của Tòa án nước ta, điều cần thiết là phải làm rõ một số vấn đề tư pháp quốc tế của Việt Nam nói chung và với các giai đoạn tổ tụng dân sự quốc tế ở Việt Nam nói riêng. Trước hết, Việc công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự, thương mại của tòa án nước ngoài, cũng như việc công nhận và thi hành tại nước ngoài bản án

quyết định dân sự, thương mại của tòa án Việt Nam, phải được coi như là giai đoạn cuối cùng của toàn bộ quá trình tố tụng dân sự quốc tế, khi tòa án nước ngoài ra bản án, quyết định dân sự thương mại liên quan đến Việt Nam, mà người phải thi hành án là công dân Việt Nam đang cư trú tại Việt Nam, hoặc tài sản liên quan đến việc thi hành án đang có trên lãnh thổ Việt Nam, thì vấn đề công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự thương mại của tòa án nước ngoài mới được tiến hành (với sự giúp đỡ tích cực của tòa án Việt Nam thông qua việc thực hiện các ủy thác tư pháp như tổng đạt giấy tờ, lấy lời khai của công dân Việt Nam) hoàn toàn phụ thuộc vào giai đoạn cuối cùng là thi hành bản án đó tại Việt Nam. Nếu tòa án Việt Nam ra quyết định công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án quyết định dân sự, thương mại của Tòa án nước ngoài thì, quyền lợi của người được thi hành mới bảo đảm và như vậy, quá trình tố tụng nhân sự thương mại quốc tế coi như đã kết thúc tốt đẹp, ngược lại nếu tòa án Việt Nam từ chối công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự thương mại của Tòa án nước ngoài thì việc giải quyết vụ kiện của tòa án nước ngoài coi như không thành công. Liên hệ đến việc yêu cầu Tòa án nước ngoài công nhận và cho thi hành bản án, quy định dân sự, thương mại của Tòa án Việt Nam cũng xảy ra logic tương tự. Do vậy việc không nhận hay không công nhận thì thái độ và quyết định cuối cùng của quốc gia được yêu cầu cũng ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của các đương sự đến sự thành công hay thất bại của quá trình tố tụng dân sự quốc tế. Vấn đề công nhận và thi hành quyết định của Tòa án nước ngoài là hoạt động cuối cùng của quá trình tố tụng nhưng không thể coi là không quan trọng nhất, khép lại toàn bộ quá trình tố tụng dân sự quốc tế.

Như vậy, công nhận và thi hành bản án quyết định dân sự, thương mại của tòa án nước ngoài, đối với các quốc gia liên quan, phải được coi là giai đoạn cuối cùng quan trọng nhất của toàn bộ quá trình tố tụng dân sự quốc tế. Xét về mặt trình tự thì đây là một bước, một giai đoạn không thể thiếu của quá trình tố tụng, từ thời điểm phát hiện khởi kiện xét xử, ra quyết định và thi hành. Do đó, việc công nhận và thi hành quyết định của tòa án nước ngoài còn giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy giao lưu dân sự giữa các quốc gia ngày càng phát triển, góp phần tăng cường hợp tác quốc tế trên mọi lĩnh vực dân sự, kinh tế, văn hóa - xã hội.

Đánh giá chung về tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về công nhận và thi hành tại VN bản án quyết định dân sự, thương mại của Tòa án nước

ngoài có thể thấy cho đến nay hầu như rất ít bản án, quyết định dân sự thương mại của Tòa án nước ngoài được công nhận và thi hành tại Việt Nam theo đúng các quy định pháp luật và các cam kết của Việt Nam, mặc dù số lượng đơn yêu cầu của đương sự gửi đến Việt Nam tương đối lớn.

Ngoài ra, qua theo dõi việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua cho thấy, phát sinh một số trường hợp công dân Việt Nam, (thường trú trong nước) có đơn yêu cầu Tòa án Việt Nam không công nhận bản án, quyết định dân sự của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Lý do yêu cầu không công nhận thường là do tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã vi phạm quyền tham gia tố tụng (không có giấy triệu tập hợp lệ đương sự dự phiên tòa, không tổng đạt bản án để đương sự thực hiện quyền kháng cáo, v.v ..) trong các trường hợp này Tòa án Việt Nam cũng gặp không ít khó khăn, lúng túng, thường phải áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự liên quan để xét đơn yêu cầu không công nhận bản án, quyết định của tòa án nước ngoài có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.

Xuất phát từ ý nghĩa và thực tế trên, công nhận và cho thi hành tại Việt Nam các bản án quyết định của Tòa án nước ngoài thuộc phạm vi tương trợ tư pháp của các Hiệp định. Nhìn chung, các quy định về thủ tục, điều kiện công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án tại các Hiệp định ký kết trước khi Luật tương trợ tư pháp năm 2007 có hiệu lực về cơ bản tương đồng với quy định pháp luật tố tụng trong nước. tuy nhiên, phần lớn các hiệp định lại cho phép người yêu cầu được nộp hồ sơ trực tiếp cho Tòa án có thẩm quyền của nước được yêu cầu như Hiệp định với Lào, Trung Quốc, Bungari, Liên Bang Nga, Thảo thuận với lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc); cả Hiệp định với Hunggari, Tiệp Khắc (Cộng hòa Sec và Cộng hòa Xlovakia kế thừa) còn cho phép đơn và hồ sơ gửi đến Tòa án để xét xử sơ thẩm để Tòa án này chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu. Còn lại các Hiệp định được ký kết trong thời gian gần đây như Hiệp định với Campuchia, Adacxtan quy định trình tự và thủ tục nộp hồ sơ phù hợp với ô luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Do các quy định của hiệp định như vậy, nên bộ tư pháp gặp không ít khó khăn trong việc thống kê số lượng hồ sơ yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài. Thực tế số lượng hồ sơ đề

ngiht công nhận và cho thi hàng không lớn, cho đến nay chủ yếu các hồ sơ đề nghit công nhận bản án của Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Séc và Cộng hòa Ba Lan.

Tình hình công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài

Vấn đề thi hành và công nhận tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài được thực hiện trên cơ sở các hiệp định trong trợ tư pháp, Cộng hòa New York năm 1958 cũng quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài (Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011, Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 và các bản án pháp luật liên quan khác). Xét về mặt nguyên tắc, việc công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài cũng tương tự như việc công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự, thương mại của Tòa án nước ngoài. Cơ sở pháp thi công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam là các điều ước quốc tế, pháp luật quốc gia hoặc nguyên tắc co đi có lại (nếu không có điều ước quốc tế).

Tính đến thời điểm hiện nay, Việt Nam đã ký 18 hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại và 01 thỏa thuận với các quốc gia/vùng lãnh thổ, trong đó 15 hiệp định và 01 thỏa thuận đang có hiệu lực pháp luật. Nếu lấy quy định về công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài làm căn cứ thì có thể nhóm các hiệp định như sau:

- Không có quy định về công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài: các Hiệp định với: Huggari ký năm 1985, Ba Lan ký năm 1993, Cabu ký năm 1984, Belarut ký năm 2000. Có thể thấy, 3/4 tổng số các Hiệp định trên được ký kết vào thời điểm Việt Nam chưa gia nhập New York 1985 và chưa ban hành Pháp lệnh công nhận và cho thi hành quyết định trọng tài năm 1995, riêng Hiệp định với Belarut ký kết vào thời điểm cả hai nước đều là thành viên của Công nước New York (Belarut là thành viên từ năm 1961).

- Quy định trực tiếp về việc công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài: các Hiệp định với: Lào ký năm 1998, Mông Cổ ký năm 2000, Buggari ký năm 1986, Tiệp Khắc ký năm 1982 (Cộng hòa Séc và Cộng hòa Xlovakia kế thừa). Các quy định tại hiệp định này mới chỉ dừng lại ở quy định về việc công nhận và cho thi hành, còn thiếu nhiều về nội dung cũng như quy định về điều

kiện, thủ tục công nhận và thi hành quyết định của trọng tài giống như công nhận và thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

Dẫn chiếu đến áp dụng các quy định của Công ước New York năm 1958 được áp dụng khi Việt Nam và các nước ký kết đều là thành viên của Công ước này như Hiệp định với Liên Bang Ucraina, Pháp, Trung Quốc, Thỏa thuận với lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc) và gần đây là hiệp định với Campuchia,. Việc dẫn chiếu đến các quy định của Công ước New York năm 1958 cũng là xu hướng chung đang được áp dụng đối với các hiệp định mà Việt Nam đang đàm phán.

Phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ các cơ quan kinh tế - thương mại bằng trọng tài có rất nhiều ưu điểm so với việc giải quyết bằng Tòa án. Do đó, xu hướng chung từ nhiều năm nay luôn coi trọng việc giải quyết tranh chấp thương mại kinh tế bằng hình thức này. Điều tất nhiên, khi quyết định của trọng tài nước ngoài có hiệu lực, thì phải được công nhận và thi hành tại quốc gia được yêu cầu.

Trong thời gian vừa qua, số lượng các quyết định của trọng tài nước ngoài không được công nhận tại Việt Nam ngày càng. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh hội nhập kinh tế, nếu vấn đề này không được xem xét để giải quyết thấu thò thì, sẽ ảnh hưởng bất lợi đến môi trường đầu tư, kinh doanh quốc tế cũng như quá trình hội nhập Việt Nam.

Do đó, trong thời gian tới công nhận và thi hành Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài cần phải khắc phục bởi lẽ:

Thứ nhất, việc công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài về thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các quốc gia, thể hiện quyền tài phán và ý chí quốc gia đó với quốc gia khác.

Thứ hai, việc công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài thể hiện chính sách bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong nước cũng như cá nhân và tổ chức nước ngoài. Đối với Việt Nam, việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài theo quy định pháp luật quốc gia cũng là góp phần thực hiện cam kết trong các điều ước quốc tế song phương với khu vực. Hơn thế nữa, việc công nhận các phán quyết sẽ xây dựng và duy trì môi trường đầu tư thật sự minh bạch, công bằng, thu hút đầu tư nước ngoài theo chỉ đạo tại các nghị quyết của Chính phủ cũng như thực hiện chính sách của Nhà

nước về tăng cường hợp tác tư pháp và pháp luật. Ngược lại, việc không công nhận các quyết định của trọng tài nước ngoài không có cơ sở sẽ thúc đẩy các hành vi vi phạm thỏa thuận, vi phạm hợp đồng. Từ đó, hình thành tâm lý không tin tưởng, lo ngại của các nhà đầu tư khi hợp tác với Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ ba, việc công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài là hệ quả tất yếu chứng minh cho quyền của các cá nhân, tổ chức trong việc lựa chọn trọng tài giải quyết các tranh chấp. Bởi lẽ, công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài là một giai đoạn của quá trình tố tụng nên nếu quyết định không được công nhận thì kết quả giải quyết của các giai đoạn trước không có ý nghĩa. Bên cạnh đó, việc công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài cũng giúp giảm lược chi phí tố tụng và tiết kiệm thời gian cho cơ quan tài phán khi không phải xem xét lại nội dung vụ việc đó.

Tương tự như việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án, yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định trọng tài của các nước ký kết Hiệp định với Việt Nam không nhiều, tập trung chủ yếu vào đề nghị công nhận quyết định của trọng tài Liên bang Nga. Theo tổng hợp của Bộ tư pháp, thời gian vừa qua, Bộ tư pháp đã tiếp nhận và chuyển Tòa án có thẩm quyền ba yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài Liên bang Nga, chưa thấy yêu cầu của các nước khác.

Liên hệ với quy định pháp luật trong nước về thủ tục tiếp nhận đơn và hồ sơ yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 quy định Bộ tư pháp là cơ quan tiếp nhận đơn và hồ sơ yêu cầu công nhận và cho thi hành của trọng tài nước ngoài, Tòa án nhân dân là cơ quan có thẩm quyền xét yêu cầu nhưng lại không quy định cơ quan có thẩm quyền quản lý lĩnh vực này.

Hiện nay Bộ tư pháp đang gặp khó khăn trong công tác quản lý số liệu giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành, bởi lẽ, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 không quy định về trách nhiệm của Tòa án trong việc thông báo kết quả giải quyết yêu cầu. Bộ tư pháp chỉ có thể biết được quyết định của Tòa án một cách gián tiếp thông qua việc gửi quyết định của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài

Lập hồ sơ trực tiếp cho Tòa án có thẩm quyền của nước được yêu cầu như Hiệp định với Lào, Trung Quốc, Bungari, Liên Bang Nga, Thảo thuận với lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc); cả Hiệp định với Hunggari, Tiệp Khắc (Cộng hòa Sec và Cộng hòa Xlovakia kế thừa) còn cho phép đơn và hồ sơ gửi đến Tòa án để xét xử sơ thẩm để Tòa án này chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu. Còn lại các Hiệp định được ký kết trong thời gian gần đây như Hiệp định với Campuchia, adacxtan quy định trình tự và thủ tục nộp hồ sơ phù hợp với ô luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Do các quy định của hiệp định như vậy, nên bộ tư pháp gặp không ít khó khăn trong việc thống kê số lượng hồ sơ yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài. Thực tế số lượng hồ sơ đề nghị công nhận và cho thi hành không lớn, cho đến nay chủ yếu các hồ sơ đề nghị công nhận bản án của Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Séc và Cộng hòa Ba Lan.

Tình hình công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài

Vấn đề thi hành và công nhận tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài được thực hiện trên cơ sở các hiệp định trong trợ tư pháp, Cộng hòa New York năm 1958 cũng quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến công nhận và thi hành tạiju Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài (Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011, Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 và các bản án pháp luật liên quan khác). Xét về mặt nguyên tắc, việc công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài cũng tương tự như việc công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự, thương mại của Tòa án nước ngoài. Cơ sở pháp thi công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam là các điều ước quốc tế, pháp luật quốc gia hoặc nguyên tắc co đi có lại (nếu không có điều ước quốc tế).

Tính đến thời điểm hiện nay, Việt Nam đã ký 18 hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại và 01 thỏa thuận với các quốc gia/vùng lãnh thổ, trong đó 15 hiệp định và 01 thỏa thuận đang có hiệu lực pháp luật. Nếu lấy quy định về công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài làm căn cứ thì có thể nhóm các hiệp định như sau:

-Không có quy định về công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài: các Hiệp định với: Huggari ký năm 1985, Ba Lan ký năm 1993, Cabu ký năm

1984, Belarut ký năm 2000. Có thể thấy, 3/4 tổng số các Hiệp định trên được ký kết vào thời điểm Việt Nam chưa gia nhập New York 1985 và chưa ban hành Pháp lệnh công nhận và cho thi hành quyết định trọng tài năm 1995, riêng Hiệp định với Belarut ký kết vào thời điểm cả hai nước đều là thành viên của Công ước New York (Belarut là thành viên từ năm 1961).

- Quy định trực tiếp về việc công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài: các Hiệp định với: Lào ký năm 1998, Mông Cổ ký năm 2000, Buggari ký năm 1986, Tiệp Khắc ký năm 1982 (Cộng hòa Séc và Cộng hòa Xlovaki kế thừa). Các quy định tại hiệp định này mới chỉ dừng lại ở quy định về việc công nhận và cho thi hành, còn thiếu nhiều về nội dung cũng như quy định về điều kiện, thủ tục công nhận và thi hành quyết định của trọng tài giống như công nhận và thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

Dẫn chiếu đến áp dụng các quy định của Công ước New York năm 1958 được áp dụng khi Việt Nam và các nước ký kết đều là thành viên của Công ước này như Hiệp định với Liên Bang Ucraina, Pháp, Trung Quốc, Thỏa thuận với lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc) và gần đây là hiệp định với Campuchia,. Việc dẫn chiếu đến các quy định của Công ước New York năm 1958 cũng là xu hướng chung đang được áp dụng đối với các hiệp định mà Việt Nam đang đàm phán.

Phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ các cơ quan kinh tế - thương mại bằng trọng tài có rất nhiều ưu điểm so với việc giải quyết bằng Tòa án. Do đó, xu hướng chung từ nhiều năm nay luôn coi trọng việc giải quyết tranh chấp thương mại kinh tế bằng hình thức này. Điều tất nhiên, khi quyết định của trọng tài nước ngoài có hiệu lực, thì phải được công nhận và thi hành tại quốc gia được yêu cầu.

Trong thời gian vừa qua, số lượng các quyết định của trọng tài nước ngoài không được công nhận tại Việt Nam ngày càng. Trông bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh hội nhập kinh tế, nếu vấn đề này không được xem xét để giải quyết thấu thời thì, sẽ ảnh hưởng bất lợi đến môi trường đầu tư, kinh doanh quốc tế cũng như quá trình hội nhập Việt Nam.

Do đó, trong thời gian tới công nhận và thi hành Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài cần phải khắc phục bởi lẽ:

Thứ nhất, việc công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài về thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các quốc gia, thể hiện quyền tài phán và ý chí quốc gia đó với quốc gia khác.

Thứ hai, việc công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài thể hiện chính sách bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong nước cũng như cá nhân và tổ chức nước ngoài. Đối với Việt Nam, việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài theo quy định pháp luật quốc gia cũng là góp phần thực hiện cam kết trong các điều ước quốc tế song phương với khu vực. Hơn thế nữa, việc công nhận các phán quyết sẽ xây dựng và duy trì môi trường đầu tư thật sự minh bạch, công bằng, thu hút đầu tư nước ngoài theo chỉ đạo tại các nghị quyết của Chính phủ cũng như thực hiện chính sách của Nhà nước về tăng cường hợp tác tư pháp và pháp luật. Ngược lại, việc không công nhận các quyết định của trọng tài nước ngoài không có cơ sở sẽ thúc đẩy các hành vi vi phạm thỏa thuận, vi phạm hợp đồng. Từ đó, hình thành tâm lý không tin tưởng, lo ngại của các nhà đầu tư khi hợp tác với Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ ba, việc công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài là hệ quả tất yếu chứng minh cho quyền của các cá nhân, tổ chức trong việc lựa chọn trọng tài giải quyết các tranh chấp. Bởi lẽ, công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài là một giai đoạn của quá trình tố tụng nên nếu quyết định không được công nhận thì kết quả giải quyết của các giai đoạn trước không có ý nghĩa. Bên cạnh đó, việc công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài cũng giúp giảm bớt chi phí tố tụng và tiết kiệm thời gian cho cơ quan tài phán khi không phải xem xét lại nội dung vụ việc đó.

Tương tự như việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án, yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định trọng tài của các nước ký kết Hiệp định với Việt Nam không nhiều, tập trung chủ yếu vào đề nghị công nhận quyết định của trọng tài Liên bang Nga. Theo tổng hợp của Bộ tư pháp, thời gian vừa qua, Bộ tư pháp đã tiếp nhận và chuyển Tòa án có thẩm quyền ba yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài Liên bang Nga, chưa thấy yêu cầu của các nước khác.

Liên hệ với quy định pháp luật trong nước về thủ tục tiếp nhận đơn và hồ sơ yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài, Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 quy định Bộ tư pháp là cơ quan tiếp nhận đơn và hồ sơ yêu cầu công nhận và cho thi hành của trọng tài nước ngoài, Tòa án nhân dân là cơ quan có thẩm quyền xét yêu cầu nhưng lại không quy định cơ quan có thẩm quyền quản lý lĩnh vực này.

Hiện nay Bộ tư pháp đang gặp khó khăn trong công tác quản lý số liệu giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành, bởi lẽ, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 không quy định về trách nhiệm của Tòa án trong việc thông báo kết quả giải quyết yêu cầu. Bộ tư pháp chỉ có thể biết được quyết định của Tòa án một cách gián tiếp thông qua việc gửi quyết định của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định của điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, các doanh nghiệp nước ngoài đã có Luật sư tại Việt Nam đại diện tham gia tố tụng nên sau khi quyết định, Tòa án gửi cho Luật sư là đại diện mà không phải gửi ra nước ngoài thông qua Bộ tư pháp.

Chính vì vậy, sau khi gửi hồ sơ cho Tòa Án, do không nắm được tình hình cũng như kết quả giải quyết các yêu cầu nên Bộ tư pháp hoàn toàn bị động khi giải quyết các đơn kiến nghị hoặc yêu cầu cung cấp thông tin liên quan của cá nhân, tổ chức nước ngoài.



TTBD ĐBDC